

Số: 29/2015/QĐ-UBND

*Lạng Sơn, ngày 31 tháng 8 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải  
ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/NĐ-CP ngày 20/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/2/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 170/2015/NQ-HĐND ngày 16/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 192/TTr-STC ngày 26/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

### a) Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

### b) Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

## 2. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải): 200.000 đồng/vụ, việc/tổ hòa giải.

b) Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở: bằng 5 tháng lương cơ sở.

c) Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 70.000 đồng/tổ hòa giải/tháng.

d) Chi bồi dưỡng thành viên ban tổ chức bầu hòa giải viên tham gia họp chuẩn bị cho việc bầu hòa giải viên: 70.000 đồng/người/buổi.

đ) Chi tiền nước uống cho người tham dự cuộc họp bầu hòa giải viên: 10.000 đồng/người/buổi.

3. Các nội dung chi, mức chi còn lại đối với công tác hòa giải ở cơ sở được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định hiện hành có liên quan. Khi các văn bản có liên quan được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

## **Điều 2.** Nguồn kinh phí thực hiện:

Do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Riêng đối với kinh phí hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập dự toán kinh phí hỗ trợ để tổng hợp vào dự toán ngân sách cấp mình, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định và thực hiện phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả tiền hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, thủ trưởng các Cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trong tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tư Pháp(b/c);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ(b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Lạng Sơn;
- PVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH(LTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Bình**